

Số: 287/TTr-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG	
ĐẾN	Ngày: 06/6/2018
	Số: 555
	Chuyển:
	Lưu Hồ Sơ: TTr UBND

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh An Giang;

Sau khi Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp lần thứ 6, khoá IX về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai đến các Chủ đầu tư để tổ chức thực hiện. Qua rà soát đến nay thì có một số dự án cần phải điều chỉnh, bổ sung quy mô, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn cho phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án mới cần phải hoàn chỉnh thủ tục để thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp lần thứ 7, khoá IX;

Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

I. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Thống nhất bổ sung quyết định chủ trương đầu tư 06 dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020, với tổng mức đầu tư là 1.065.430 triệu đồng, trong đó:

- 04 danh mục dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là 985.698 triệu đồng.

- 02 danh mục trọng điểm nhóm C, với tổng mức đầu tư là 79.732 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm).

2. Thống nhất điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 08 dự án, sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, với tổng mức đầu tư là 497.228 triệu đồng, trong đó:

- 06 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là 421.885 triệu đồng.

- 02 dự án trọng điểm nhóm C, với tổng mức đầu tư là 75.343 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm).

3. Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo Phụ lục danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020.

II. Về thông tin mỗi dự án bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án;
2. Chủ đầu tư;
3. Địa điểm đầu tư;
4. Quy mô đầu tư;
5. Mục tiêu đầu tư;
6. Tổng mức đầu tư (được làm tròn số đến hàng triệu đồng);
7. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
8. Thời gian thực hiện;
9. Tiến độ thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.Tỉnh ủy, (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- VPUBND tỉnh: CVP, P. KTTH & TH;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Văn Nung

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC BỔ SUNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B VÀ TRỌNG ĐIỂM NHÓM C

(Kèm theo Tờ trình số 287/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...)			
TỔNG CỘNG							1,065,430	510,784	520,892	33,754	0		
<i>A</i>	<i>Dự án nhóm B</i>					985,698	510,784	459,709	15,205	0			
<i>I</i>	<i>Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản</i>												
1	Xây dựng hệ thống thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang	TT-TB	Ban QL DA ĐTXD CT NN&PTNT	05 Hồ chứa, 03 Trạm bơm	Tăng cường khả năng tích trữ và điều tiết nước, chủ động tưới tiêu thông qua việc đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa, giữ nước, hệ thống thủy lợi để cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng, sản xuất nông nghiệp trong mùa khô và điều tiết lũ trong mùa mưa, hạn chế ảnh hưởng, tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu đang diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho khu vực vùng cao Tịnh Biên và Tri Tôn, tỉnh An Giang...	440,000	334,134	105,866			- GD I: 2017- 2020 (336.826trđ; NSTW: 260.960trđ; NSDP: 105.866trđ); - GD II: Sau năm 2020 (73.174trđ)	04 năm	
2	Chống sạt lở sông Hậu, tỉnh An Giang	LX	Ban QL DA ĐTXD CT NN&PTNT	Kè (đoạn từ rạch Trà Ôn đến rạch Cầu Máy) với chiều dài 1.625 m; Đường giao thông dọc kè với qui mô đường cấp VI, B=3,5 m; Vĩa hè bên phía kè rộng 3 m, bên phía dân cư rộng 2 m	Kiểm soát và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng để bảo vệ tính mạng, tài sản người dân, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị thành phố Long Xuyên phát triển bền vững thân thiện với môi trường; Chinh trị đoạn sông Hậu qua thành phố Long Xuyên nhằm tạo dòng chảy ổn định, hạn chế tình trạng sạt lở bờ sông gây thiệt hại về tính mạng và tài sản người dân, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật	266,932	176,650	90,282			2018-2020	03 năm	

T	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...)		
I	Giao thông											
1	Cầu Phú Hòa	TS	Ban QLDA ĐTXD công trình GT	58,1m dài	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	188,561		188,561			2018-2021	04 năm
2	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Hoàng (đoạn từ đường Hà Hoàng Hổ đến cầu Tôn Đức Thắng)	LX	TPLX	876m	Góp phần hoàn chỉnh từng bước hạ tầng nội ô của thành phố Long Xuyên	90,205		75,000	15,205		2018-2022	05 năm
3	Dự án trọng điểm nhóm C					79,732	0	61,183	18,549	0		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp											
1	Trường THCS Long Kiến	CM	UBND CM	Xây mới 10 phòng học + 06 phòng học bộ môn + thư viện + một số phòng chức năng; Cải tạo 22 phòng học; công trình phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt	39,732		31,183	8,549		2018-2020	03 năm
II	Văn hóa, thể thao và du lịch											
1	Nhà thi đấu thể thao thị xã Tân Châu	TC	UBND TXTC	Khởi công trình chính + công trình phụ trợ +HIKT và trang thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao trong nhân dân, thúc đẩy sự phát triển của phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao chuyên nghiệp	40,000		30,000	10,000		2018-2020	03 năm

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B VÀ TRỌNG ĐIỂM NHÓM C

(Kèm theo Tờ trình số 287/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...)			
TỔNG CỘNG							497,228	424	454,733	42,071	0		
A	Dự án nhóm B						421,885	424	393,806	27,655	0		
I	Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm												
1	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Châu (GD 2)	TC	Ban QLDA ĐTXD & KVPTĐT tỉnh	Khối điều trị nội trú; khoa nhiễm; khoa chống nhiễm khuẩn – dinh dưỡng; khoa y học cổ truyền; công trình phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị.	Đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho bệnh nhân trong thị xã và các vùng lân cận, làm giảm bớt số lượng bệnh nhân chuyển lên tuyến trên, tiết kiệm chi phí, nâng cao sức khỏe cho người dân và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.	70,715	424	70,291			2016-2022	07 năm	
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp												
1	Trường dân tộc nội trú THCS Tri Tôn	TB	Ban QLDA ĐTXD & KVPTĐT tỉnh	Khối 48 phòng ở nội trú, khối hành chính + các phòng học bộ môn, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường từng bước nâng cấp thành trường chuẩn Quốc gia.	50,661		50,661			2016-2020	05 năm	
III	Quản lý nhà nước												
1	Trụ sở huyện Ủy An Phú	AP	UBND AP	Hội trường 400 chỗ, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị.	Nhằm hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho Huyện ủy An Phú, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc và sinh hoạt.	41,774		27,733	14,041		2017-2020	03 năm	

2	Trụ sở HĐND và UBND huyện Châu Phú	CP	UBND CP	Khối Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân; khối phòng chức năng; công trình phụ trợ +HTKT và thiết bị.	Việc xây dựng Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc, tiếp dân cũng như hội họp tuyên truyền đường lối chính sách chủ trương của Đảng và Nhà nước cho người dân, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.	39,741		26,127	13,614		2016-2020	03 năm
IV Giao thông												
1	Tuyến đường đoạn từ đường tránh QL 91 đến chợ Vĩnh Đông phường Núi Sam	CĐ	UBND TPCĐ	1.900m	Tạo sự kết nối giữa nội ô TP Châu Đốc với đường tránh QL91 nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại và vận chuyển hàng hóa trong khu vực, giảm lưu lượng giao thông qua nội ô Thành phố	96,265		96,265			2016-2021	05 năm
2	Nâng cấp mở rộng tuyến Thoại Giang - Xã Diểu (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Xã Diểu)	TS	UBND TS	10.908m, 02 cầu, hệ thống thoát nước, vỉa hè + công trình phụ trợ khác	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá, nông sản của người dân trong khu vực, kết nối thông suốt từ đường tỉnh 943 tại cầu Thoại Giang - huyện Thoại Sơn với quốc lộ 80 - tỉnh Kiên Giang.	122,729		122,729			2017-2021	05 năm
B Dự án trọng điểm nhóm C						75,343	0	60,927	14,416	0		
I Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						75,343	0	60,927	14,416	0		
1	Trường THCS Lương An Trà	TT	UBND TT	12 phòng học + 06 phòng bộ môn + thư viện + các phòng chức năng, công trình phụ trợ + HTKT+ thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt	38,047		31,444	6,603		2016-2020	03 năm
2	Trường THCS Tân An	TC	UBND TC	04 phòng học + các phòng chức năng và 06 phòng học bộ môn; công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt	37,296		29,483	7,813		2016-2020	03 năm

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm:

- Bổ sung quyết định chủ trương đầu tư 06 dự án (trong đó: Nhóm B là 04 dự án, trọng điểm nhóm C là 02 dự án), với tổng mức đầu tư là 1.065.430 triệu đồng.

- Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 08 dự án (trong đó: Nhóm B là 06 dự án, trọng điểm nhóm C là 02 dự án), với tổng mức đầu tư là 497.228 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 và 02 đính kèm).

Điều 2. Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2018 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm Toán nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- TT. TU, HĐND, UBND và UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang; Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC BỔ SUNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B VÀ TRỌNG ĐIỂM NHÓM C

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...)		
TỔNG CỘNG							1,065,430	510,784	520,892	33,754	0	
A	Dự án nhóm B						985,698	510,784	459,709	15,205	0	
I	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản											
1	Xây dựng hệ thống thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang	TT-TB	Ban QL DA ĐTXD CT NN&PTNT	05 Hồ chứa, 03 Trạm bơm	Tăng cường khả năng tích trữ và điều tiết nước, chủ động tưới tiêu thông qua việc đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa, giữ nước, hệ thống thủy lợi để cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng, sản xuất nông nghiệp trong mùa khô và điều tiết lũ trong mùa mưa, hạn chế ảnh hưởng, tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu đang diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho khu vực vùng cao Tịnh Biên và Tri Tôn, tỉnh An Giang...	440,000	334,134	105,866			- GD I: 2017-2020 (336.826 trđ; NSTW: 260.960 trđ; NSDP: 105.866 trđ); - GD II: S au năm 2020 (73.174 trđ)	04 năm
2	Chống sạt lở sông Hậu, tỉnh An Giang	LX	Ban QL DA ĐTXD CT NN&PTNT	Kè (đoạn từ rạch Trà Ôn đến rạch Cầu Máy) với chiều dài 1.625 m; Đường giao thông dọc kè với qui mô đường cấp VI, B=3,5 m; Vĩa hè bên phía kè rộng 3 m, bên phía dân cư rộng 2 m	Kiểm soát và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng để bảo vệ tính mạng, tài sản người dân, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị thành phố Long Xuyên phát triển bền vững thân thiện với môi trường; Chính trị đoạn sông Hậu qua thành phố Long Xuyên nhằm tạo dòng chảy ổn định, hạn chế tình trạng sạt lở bờ sông gây thiệt hại về tính mạng và tài sản người dân, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật	266,932	176,650	90,282			2018-2020	03 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...)		
II Giao thông												
1	Cầu Phú Hòa	TS	Ban QLDA ĐTXD công trình GT	58,1m dài	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	188,561		188,561			2018-2021	04 năm
2	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Hoàng (đoạn từ đường Hà Hoàng Hồ đến cầu Tôn Đức Thắng)	LX	TPHX	876m	Góp phần hoàn chỉnh từng bước hạ tầng nội ô của thành phố Long Xuyên	90,205		75,000	15,205		2018-2022	05 năm
B Dự án trọng điểm nhóm C						79,732	0	61,183	18,549	0		
I Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp												
1	Trường THCS Long Kiến	CM	UBND CM	Xây mới 10 phòng học + 06 phòng học bộ môn + thư viện + một số phòng chức năng; Cải tạo 22 phòng học; công trình phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt	39,732		31,183	8,549		2018-2020	03 năm
II Văn hóa, thể thao và du lịch												
1	Nhà thi đấu thể thao thị xã Tân Châu	TC	UBND TXTC	Khối công trình chính + công trình phụ trợ +HTKT và trang thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao trong nhân dân, thúc đẩy sự phát triển của phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao chuyên nghiệp	40,000		30,000	10,000		2018-2020	03 năm

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B VÀ TRỌNG ĐIỂM NHÓM C

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...)			
TỔNG CỘNG							497,228	424	454,733	42,071	0		
<i>A</i>	<i>Dự án nhóm B</i>						421,885	424	393,806	27,655	0		
<i>I</i>	<i>Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm</i>												
1	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Châu (GĐ 2)	TC	Ban QLDA ĐTXD & KVPTĐT tỉnh	Khối điều trị nội trú; khoa nhiễm; khoa chống nhiễm khuẩn – dinh dưỡng; khoa y học cổ truyền; công trình phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị.	Đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho bệnh nhân trong thị xã và các vùng lân cận, làm giảm bớt số lượng bệnh nhân chuyển lên tuyến trên, tiết kiệm chi phí, nâng cao sức khỏe cho người dân và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.	70,715	424	70,291			2016 -2022	07 năm	
<i>II</i>	<i>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</i>												
1	Trường dân tộc nội trú THCS Tri Tôn	TB	Ban QLDA ĐTXD & KVPTĐT tỉnh	Khối 48 phòng ở nội trú, khối hành chính + các phòng học bộ môn, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường từng bước nâng cấp thành trường chuẩn Quốc gia.	50,661		50,661			2016-2020	05 năm	
<i>III</i>	<i>Quản lý nhà nước</i>												
1	Trụ sở huyện Ủy An Phú	AP	UBND AP	Hội trường 400 chỗ, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị.	Nhằm hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho Huyện ủy An Phú, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc và sinh hoạt.	41,774		27,733	14,041		2017-2020	03 năm	

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện tro ng giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...)		
2	Trụ sở HĐND và UBND huyện Châu Phú	CP	UBND CP	Khối Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân; khối phòng chức năng; công trình phụ trợ +HTKT và thiết bị.	Việc xây dựng Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc, tiếp dân cũng như hội họp tuyên truyền đường lối chính sách chủ trương của Đảng và Nhà nước cho người dân, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.	39,741		26,127	13,614		2016-2020	03 năm
IV	Giao thông											
1	Tuyến đường đoạn từ đường tránh QL 91 đến chợ Vĩnh Đông phường Núi Sam	CD	UBND TPCĐ	1.900m	Tạo sự kết nối giữa nội ô TP Châu Đốc với đường tránh QL91 nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại và vận chuyển hàng hóa trong khu vực, giảm lưu lượng giao thông qua nội ô Thành phố	96,265		96,265			2016-2021	05 năm
2	Nâng cấp mở rộng tuyến Thoại Giang – Xã Diêu (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Xã Diêu)	TS	UBND TS	10.908m, 02 cầu, hệ thống thoát nước, vỉa hè + công trình phụ trợ khác	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá, nông sản của người dân trong khu vực, kết nối thông suốt từ đường tỉnh 943 tại cầu Thoại Giang - huyện Thoại Sơn với quốc lộ 80 - tỉnh Kiên Giang.	122,729		122,729			2017-2021	05 năm
B	Dự án trọng điểm nhóm C					75,343	0	60,927	14,416	0		
I	Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm					75,343	0	60,927	14,416	0		
1	Trường THCS Lương An Trà	TT	UBND TT	12 phòng học + 06 phòng bộ môn + thư viện + các phòng chức năng, công trình phụ trợ + HTKT+ thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt	38,047		31,444	6,603		2016-2020	03 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...)		
2	Trường THCS Tân An	TC	UBND TC	04 phòng học + các phòng chức năng và 06 phòng học bộ môn; công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt	37,296		29,483	7,813		2016-2020	03 năm